PHỤ LỤC 1
BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

(Đính kèm và là một phần không tách rời của Quy tắc Bảo hiểm Tai nạn cá nhân ban hành theo Quyết định số 498./QĐ-PVIBH ngày 27./.06./2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

1. Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt 100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được 100%
3. Hỏng toàn bộ chức năng nhai và nói 100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống) 100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân 100%
6. Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia 100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (liệt toàn bộ, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường) 100%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

Chi Trên

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai) 80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống 75%
10. Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu) 70%
11. Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay 65%
12. Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái) 45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ 40%
14. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5 ..... 32%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác 37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác 32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác 37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa 32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn 27%
- Mất trọn ngón cái 22%
- Mất cả đốt ngoài 12%
- Mất ½ đốt ngoài 8%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn 22%
- Mất ngón trỏ 20%
- Mất 2 đốt 2 và 3 ..... 10%
- Mất đốt 3 ..... 9%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn) 20%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn 17%
- Mất 2 đốt 2 và 3 ..... 10%
- Mất đốt 3 ..... 5%

Website tư vấn: baohiemplus.vn

22. Mất cả ngón út và đốt bàn 17%
- Mất cả ngón út 12%
- Mất 2 đốt 2 và 3 ..... 9%
- Mất đốt 3 ..... 5%

23. Cứng khớp bả vai 30%
24. Cứng khớp khuỷu tay 30%
25. Cứng khớp cổ tay 30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả 30%
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường ... 15%
28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai 30%
29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 25%
30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu,có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai. 40%
31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 15%
32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 25%
33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ 25%
34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ 30%
35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 12%
36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 18%
37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa 20%
38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa 25%
39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường 10%
40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt , cử động bình thường 15%
41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa 15%
42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa 20%
43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương 25%
44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương 35%
45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương 15%
46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương 25%
47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 10%
48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 14%
49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay 15%
50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay 18%
51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 8%
52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 10%
53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay 12%
54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay 15%
55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 10%
56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 13%
57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay 15%
58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay 18%
59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%) ..... 8 - 16%

Website tư vấn: baohiemplus.vn

60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 8%
61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 12%
62. Gãy xương đòn không phẫu thuật, can gồ, cứng vai 18%
63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gồ, cứng vai 25%
64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai 30%
65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai 35%
66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật 10%
67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật 15%
68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật 17%
69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật 22%
70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật 30%
71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật 40%
72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%) ..... 3 - 12%

Chi Dưới

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

73. Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi) 80%
74. Cắt cụt 1 đùi
- 1/3 trên 75%
- 1/3 giữa hoặc dưới 65%

75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối) 65%
76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân 60%
77. Mất xương sên 37%
78. Mất xương gót 40%
79. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân 40%
80. Mất đoạn xương mác 25%
81. Mất mắt cá chân
- Mắt cá ngoài 12%
- Mắt cá trong 17%

82. Mất cả 5 ngón chân 50%
83. Mất 4 ngón cả ngón cái 42%
84. Mất 4 ngón trừ ngón cái 40%
85. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5 ..... 27%
86. Mất 3 ngón 1 - 2 - 3 ..... 32%
87. Mất 1 ngón cái và ngón 2 ..... 22%
88. Mất 1 ngón cái 17%
89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái 12%
90. Mất 1 đốt ngón cái 10%
91. Cứng khớp háng 50%
92. Cứng khớp gối 35%
93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi 50%
94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi
- ít nhất 5 cm 42%
- từ 3 đến dưới 5 cm 37%

Website tư vấn: baohiemplus.vn

95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài 40%
96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong 30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 20%
98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, củ động bình thường 30%
99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ 30%
100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ 40%
101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 25%
102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 35%
103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ 35%
104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ 45%
105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi 45%
106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi 55%
107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 20%
108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 25%
109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo 25%
110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo 30%
111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 15%
112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng 18%
113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo 18%
114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo 22%
115. Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật 15%
116. Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật 25%
117. Gãy xương mác, không phẫu thuật 10%
118. Gãy xương mác, có phẫu thuật 20%
119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt 15%
120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối 25%
121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật 10%
122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật 20%
123. Gãy xương bánh chè không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu 25%
124. Gãy xương bánh chè có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu 25%
125. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân tốt 15%
126. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân bị hạn chế 20%
127. Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)...7 - 15%
128. Gãy xương gót, không phẫu thuật 15%
129. Gãy xương gót, có phẫu thuật 20%
130. Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%).....4 - 12%
131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo 25%
132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo 32%
133. Gãy ụ ngồi 25%
134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình 20%
135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình 30%
136. Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu 40%

Website tư vấn: baohiemplus.vn

137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ 55%
138. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn 10%
139. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn 15%
140. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn 25%
141. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn 35%

Cột Sống

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

142. Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống 35%
143. Cắt bỏ cung sau của 2 - 3 đốt sống trở lên 50%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy 30%
145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy 40%
146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy 50%
147. Gãy vỡ mõm gai hoặc mõm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật 10%
148. Gãy vỡ mõm gai hoặc mõm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật 17%
149. Gãy vỡ mõm gai hoặc mõm bên của 2 - 3 đốt sống, không phẫu thuật 25%
150. Gãy vỡ mõm gai hoặc mõm bên của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật 45%

Sọ Não

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm 30%
152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm .. 50%
153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm 60%
154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:
   - nói ngọng , nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp 35%
   - không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca 65%
   - mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke 60%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

155. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ) 50%
156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn 45%
157. Vết thương sọ não hở , lún xương sọ 45%
158. Vết thương sọ não hở , nhiều mảnh xương đi sâu vào não 55%
159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật 20%
160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật 30%
161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật 30%
162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật 40%
163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ,

Website tư vấn: baohiemplus.vn

không điều trị phẫu thuật 40%
164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật 50%
165. Chấn thương sọ não gây chấn động não 15%
166. Chấn thương sọ não gây phù não 50%
167. Chấn thương sọ não gây giập não, dẹp não 55%
168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện 50%
169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não) 40%

Lồng Ngực

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

170. Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn 17%
171. Cắt bỏ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%) 25%
172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%) 8%
173. Cắt toàn bộ 1 bên phổi 75%
174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50% 70%
175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên 55%
176. Cắt 1 thùy phổi 40%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

177. Gãy 1 - 2 xương sườn, không phẫu thuật 7%
178. Gãy 1 - 2 xương sườn, có phẫu thuật 12%
179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật 15%
180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật 25%
181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường) 15%
182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường) 25%
183. Mẽ hoặc rạn nứt xương ức 12%
184. Tràn dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần) 8%
185. Tràn khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu) 25%
186. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim) 55%
187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế 65%
188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt 40%

Bụng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

189. Cắt toàn bộ dạ dày 80%
190. Cắt đoạn dạ dày 55%
191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m) 80%
192. Cắt đoạn ruột non 45%
193. Cắt toàn bộ đại tràng 80%
194. Cắt đoạn đại tràng 55%
195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần 75%
196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần 65%

Website tư vấn: baohiemplus.vn

197. Cắt ½ của một thùy gan 60%
198. Cắt 1/3 của một thùy gan 40%
199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan 30%
200. Cắt bỏ túi mật 50%
201. Cắt bỏ lá lách 45%
202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách 65%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

203. Khâu lổ thủng dạ dày 30%
204. Khâu lổ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lổ thủng) 35%
205. Khâu lổ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lổ thủng) 35%
206. Đụng dập gan, khâu gan 40%
207. Khâu vỡ lách 25%
208. Khâu tụy 32%

Cơ quan tiết niệu, sinh dục

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường 55%
210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý 75%
211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải 35%
212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con 75%
213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi 60%
214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người từ 55 tuổi trở lên 40%
215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con 65%
216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con 35%
217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người từ 45 tuổi trở lên 27%
218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên 25%
219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên 50%
220. Cắt vú ở nữ từ 45 tuổi trở lên 1 bên 17%
221. Cắt vú ở nữ từ 45 tuổi trở lên 2 bên 35%
222. Cắt 1 phần bàng quang 30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày) 6%
224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày) 12%
225. Chấn thương thận nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa) 50%
226. Mổ thông bàng quang vĩnh viễn 75%
227. Khâu lổ thủng bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng) 32%

Mắt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả 60%
229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả 55%
230. Một mắt thị lực còn đến 1/10 ..... 37%

Website tư vấn: baohiemplus.vn

231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10 ..... 15%
232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10 ..... 10%
233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt rồi 90%

Tai –Mũi – Họng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được 80%
235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe được) 65%
236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1 - 2 m còn nghe được) 40%
237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to từ trên 2 - 4 m còn nghe được) 20%
238. Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được 35%
239. Điếc 1 tai mức độ vừa 15%
240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ 8%
241. Mất vành tai 2 bên 30%
242. Mất vành tai 1 bên 15%
243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai 20%
244. Mất mũi hoàn toàn 40%
245. Biến dạng mũi 18%
246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt 30%

Răng - Hàm - Mặt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống khác bên 85%
248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống cùng bên 75%
249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới 75%
250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến ½ bị mất từ cành cao trở xuống 40%
251. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương 22%
252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả 35%
253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả 25%
254. Mất từ 5 đến 8 răng 20%
255. Mất từ 3 đến 4 răng 10%
256. Mất từ 1 đến 2 răng 4%
257. Mất ¾ lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra) 80%
258. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi 55%
259. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm 20%
260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm 10%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt 20%
262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt 25%

Website tư vấn: baohiemplus.vn

263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó 30%

264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó 35%

265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai 20%

Vết Thương Phần Mềm – Bỏng

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2 cm gây rách da, rách niêm mạc…không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài:

- Từ 2 cm – 4 cm 1%
- Từ trên 4 cm – 7 cm 2%
- Từ trên 7 cm – 10 cm 3%
- Từ trên 10 cm – 15 cm 4%
- Trên 15 cm 6%

267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích:

- Dưới 9 cm^2 ..... 1%
- Từ 9 cm^2 đến 12 cm^2 ..... 2%
- Từ trên 12 cm^2 đến 16 cm^2 ..... 3%
- Từ trên 16 cm^2 đến 24 cm^2 ..... 5%
- Từ trên 24 cm^2 đến 30 cm^2 ..... 6%
- Từ trên 30 cm^2 đến 35 cm^2 ..... 8%
- Trên 35 cm^2 ..... 10%

(Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)

268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai 4%

269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân 2%

270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai 7%

271. Bỏng độ I

- diện tích từ 5 - 15% 4%
- diện tích trên 15% 8%

272. Bỏng độ II

- diện tích dưới 5% 4%
- diện tích từ 5 - 15% 10%
- diện tích trên 15% 20%

273. Bỏng độ III, độ IV

- diện tích dưới 5% 20%
- diện tích từ 5 - 15% 40%
- diện tích trên 15% 70%

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

274. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương: cộng thêm 5% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên

Website tư vấn: baohiemplus.vn

275. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh: cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên

276. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 nhưng là vết thương ở ngực, bụng, sau khi liền vết thương để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp: cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.

277. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ: cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.

278. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hổng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống: cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.

279. Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng 25%

NGUYÊN TẮC TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc trả tiền bảo hiểm theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của khách hàng cung cấp, kết luận của bác sĩ và tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỉ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
3. Trường hợp có nhiều thương tật, tiền bảo hiểm được trả cho từng thương tật tương ứng nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp có nhiều thương tật ở cùng cùng một chi, tổng số tiền trả cho các thương tật không được vượt quá tỷ lệ mất chi đó.

Website tư vấn: baohiemplus.vn